

Bản án số: /2024/DS- ST
Ngày: 01- 7- 2024
“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THỦY, TỈNH QUẢNG BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Các hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Việt và ông Lê Thuận Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Tuyết Mai- Thư ký Tòa án huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

Trong ngày 01 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 67/2023/TLST-DS ngày 26 tháng 12 năm 2024 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2024/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2024/QĐST-DS ngày 15/5/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2024/QĐST-DS ngày 14/6/2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Tú A, sinh năm 1975; địa chỉ: Khu phố A, thị trấn C, huyện V, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Lê Thị H, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/12/2023, bản tự khai ngày 15/01/2024 nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tú A trình bày:

Ngày 05/11/2023, chị Lê Thị H ở thôn T, xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình có vay số tiền 75.000.000 đồng (Bảy mươi lăm triệu đồng) của chị A và hẹn đến ngày 15/11/2023 sẽ trả. Tuy nhiên chị H không chịu trả theo đúng thời hạn cam kết và nhiều lần khất nợ nên ngày 22/11/2023 chị A đã yêu cầu chị H phải viết giấy mượn tiền. Đến hẹn chị A đến nhà chị H để đòi nợ nhưng chị H trốn tránh không chịu gặp và đến nay không có ý định trả tiền cho chị A, thời gian khất nợ của chị H đã quá lâu, không có động thái gì về việc chị H có ý thức trả tiền cho A, mặc dù chị A đã nhiều lần đến nhà yêu cầu chị H trả nợ. Vì vậy chị A đề nghị Tòa án giải quyết buộc chị H phải trả cho chị A số tiền 75.000.000 đồng (Bảy mươi lăm triệu đồng) và tiền lãi phát sinh sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại Đơn khởi kiện chị Nguyễn Thị Tú A khởi kiện đối với anh Hoàng Thanh H (chồng chị Lê Thị H), tuy nhiên trong quá trình xác minh chị A xác định lại chồng chị H là Hoàng Thành H và chị Nguyễn Thị Tú A thấy việc vay mượn chỉ có chị A và chị H làm thủ tục vay mượn với nhau không liên quan đến anh Hoàng

Thành H (chồng của chị Lê Thị H) vì vậy, chị A không yêu cầu khởi kiện đối với anh Hoàng Thành H.

Tại bản tự khai ngày 15/01/2024 bị đơn chị Lê Thị H trình bày:

Khoảng tháng 10/2023, chị Lê Thị H có vay mượn của chị Nguyễn Thị Tú A số tiền 75.000.000 đồng (Bảy mươi lăm triệu đồng) nhưng đến tháng 11/2023 thì giữa chị H và chị A mới ký hợp đồng vay mượn, lúc vay mượn không tính lãi suất. Đến khoảng cuối tháng 11/2023 chị H có trả vào tài khoản tên Trần Hữu H cho chị A số tiền 11.000.000 đồng (số tài khoản do chị A cung cấp). Nay chị H còn nợ lại chị A số tiền 64.000.000 đồng, chị H có nguyện vọng trả dần cho chị A mỗi tháng 2.000.000 đồng và đề nghị chị A không tính lãi suất.

Bị đơn chị Lê Thị H vắng mặt tại phiên tòa cũng như các phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được tổng đạt hợp lệ.

Tòa án tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy triệu tập tham gia phiên tòa đến các đương sự hợp lệ nhưng bị đơn chị Lê Thị H vẫn vắng mặt, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa lần thứ nhất ngày 15/5/2024.

Ngày 14/6/2024 Tòa án đã tổng đạt Quyết định hoãn phiên tòa cho nguyên đơn Nguyễn Thị Tú A, bị đơn Lê Thị H. Nhưng phía nguyên đơn chị A có đơn xin được hoãn phiên tòa vì lý do sức khỏe, còn chị H vắng mặt, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa lần thứ hai ngày 14/6/2024;

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra và kết quả hỏi tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tại Đơn khởi kiện chị Nguyễn Thị Tú A khởi kiện đối với chị Lê Thị H anh Hoàng Thành H (chồng chị Lê Thị H), tuy nhiên sau khi có Quyết định xét xử chị A xác định việc vay mượn chỉ có chị A và chị H làm thủ tục vay mượn với nhau không liên quan đến anh Hoàng Thành H. Vì vậy, chấp nhận theo yêu cầu của chị A không yêu cầu khởi kiện đối với anh Hoàng Thành H. Xác định chị Lê Thị H là bị đơn.

Về việc vắng mặt của bị đơn:

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Lê Thị H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Giấy triệu tập đến tham gia phiên tòa ngày 15/5/2024, nhưng chị H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa. Phiên tòa lần thứ hai ngày 14/6/2024 nguyên đơn có đơn xin được hoãn phiên tòa và bị đơn vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa lần thứ ba chị H vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Lê Thị H.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, xác định quan hệ pháp luật có tranh chấp là tranh chấp về “Hợp đồng vay tài sản” thuộc tranh

chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn đăng ký thường trú tại xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn ngày 22/11/2023 giữa chị Nguyễn Thị Tú A và chị Lê Thị H có cơ sở xác định: Vào ngày 22/11/2023, chị Lê Thị H đã vay của chị Nguyễn Thị Tú A số tiền 75.000.000 đồng (Bảy mươi lăm triệu đồng) thời gian vay kể từ ngày 22/11/2023, không tính lãi suất, hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn và không ghi phương thức trả lãi. Trong lần cho chị H vay mượn, thì giữa chị H và chị A có ghi số tiền nợ, không ghi thời hạn trả nợ và không ghi tính lãi suất. Sau khoảng 01 tháng cho chị H vay mượn, chị A và đã nhiều lần đến đòi nợ tại chị H, thời gian từ khi gửi đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy (26/12/2023) để yêu cầu chị H trả nợ được coi là báo trước cho bên vay một thời gian hợp lý đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi.

[4]. Xét chị Lê Thị H trình bày chị đã trả cho chị Nguyễn Thị Tú A số tiền 11.000.000 đồng (Mười một triệu đồng) gửi vào tài khoản tên Trần Hữu H (số tài khoản do chị An cung cấp). Nên chị H còn nợ lại chị A số tiền 64.000.000 đồng (Sáu mươi bốn triệu đồng) và chị H có nguyện vọng trả cho chị A mỗi tháng 2.000.000 đồng và đề nghị chị A không tính lãi suất. Tuy nhiên, chị H không cung cấp được chứng cứ để chứng minh đã trả cho chị A số tiền 11.000.000 đồng. Tòa án đã yêu cầu chị H cung cấp địa chỉ cụ thể của anh Trần Hữu H, để Tòa án triệu tập anh H đến trình bày ý kiến, nhưng chị H không cung cấp cho Tòa án địa chỉ của anh Trần Hữu H, nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét.

[5.1]. Xét hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn ngày 22/11/2023 ký kết nêu trên, đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật, do đó đã làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên tham gia ký kết hợp đồng. Chị Lê Thị H vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc tại “Hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn” đã ký kết với chị Nguyễn Thị Tú A, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị A, buộc chị H phải trả nợ cho chị A số tiền nợ gốc 75.000.000 đồng (Bảy mươi lăm triệu đồng) là phù hợp với các Điều 463, 466, 469 của Bộ luật dân sự.

[5.2]. Đối với yêu cầu của nguyên đơn, yêu cầu bị đơn phải trả lãi cho nguyên đơn số tiền lãi sau khi Quyết định hoặc Bản án có hiệu lực pháp luật theo mức lãi suất Ngân hàng nhà nước quy định đối với số tiền 75.000.000 đồng. Hội đồng xét xử không chấp nhận theo yêu cầu của nguyên đơn mà buộc chị Lê Thị H phải trả lãi cho nguyên đơn, kể từ khi nguyên đơn có Đơn yêu cầu thi hành án theo hướng dẫn tại điểm b khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp; bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo Điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 469, của Bộ luật dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Tú A buộc bị đơn Lê Thị H có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Nguyễn Thị Tú A số tiền là 75.000.000 đồng (Bảy mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị H phải chịu 3.750.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước. Nguyên đơn Nguyễn Thị Tú A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; trả lại cho nguyên đơn Nguyễn Thị Tú A số tiền tạm ứng án phí 1.875.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lê Thủy theo biên lai số 0004277 ngày 26/12/2023.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (01/7/2024); đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại nơi cư trú và trụ sở Ủy ban nhân dân xã nơi cư trú để yêu cầu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Lê Thủy;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THA huyện Lê Thủy;
- Lưu HS; Lưu VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hương

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Lệ Thủy;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THA huyện Lệ Thủy;
- Lưu HS; Lưu VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hương

